

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-03-2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đặng Văn Hai;

2. Bà: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 19 tháng 03 năm 2018 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST- HNGĐ, ngày 24/01/2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm: 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 3, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bé N, sinh năm: 1968; (có mặt)

Địa chỉ: ấp LTA, xã LH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/12/2017; Các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Cao Thị T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Năm 1991 bà và ông N chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và

ông N đã ly thân từ năm 2001 đến nay. Nay bà và ông N không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Bé N;

* Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Cao B N, sinh ngày 25/5/1997; Nguyễn Cao B N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết;

* Về tài sản và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Bé N trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, Cao Thị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Ông N và bà T đã ly thân từ năm 2001 đến nay. Hiện nay giữa ông và bà T không còn tình cảm nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Cao Thị T.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Cao B N, sinh ngày 25/5/1997; Nguyễn Cao B N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

* Về tài sản và nợ khi ly hôn: Ông Nguyễn Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà Cao Thị T với ông Nguyễn Bé N, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại số nhà 825, ấp Long Thành A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bé N chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do bà T và ông N không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 53

Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bé N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Cao B N, sinh ngày 25/5/1997; Nguyễn Cao B N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ khi ly hôn: Bà Cao Thị T và ông Nguyễn Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Cao Thị T và Nguyễn Bé N là vợ chồng.

2. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001069, ngày 24/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Cao Thị T đã thực hiện xong.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/03/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**